

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST

Ngày 19/01/2023

V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mã Thị Huệ.
2. Ông Nguyễn Văn Khoa.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lý Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa:** Bà Nông Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 100/2022/TLST-HNGĐ ngày 14/10/2022 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXHNGĐ - ST ngày 05 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Phùng Bích H, sinh năm 197x;

Nơi cư trú: Xóm Th, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Chỗ ở hiện tại: Thôn H, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt có lý do.

2. **Bị Đơn:** Ông Phan Chung K, sinh năm 196x;

Nơi cư trú: Xóm Th, xã Đo, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt có lý do.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Anh Phan Chung H, sinh năm 199x. Nơi cư trú: Xóm Th, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 20/9/2022 và các lời khai tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn bà H trình bày: Bà tổ chức đám cưới theo phong tục địa

phương với ông Phan Chung K năm 199x, tuy nhiên không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau thời gian sống hạnh phúc thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh đập nhau. Từ năm 2003 - 2018 thì ông K đi tù do nghiện ngập. Năm 2018 sau khi chồng đi tù về thì hai vợ chồng cũng ly thân từ đó cho đến nay. Giữa hai vợ chồng có một con chung tên Phan Chung H sinh năm 199x. Về tài sản chung, nợ chung hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà H xác định không thể tiếp tục chung sống với ông K được nữa nên yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn. Các vấn đề khác không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Phan Chung K xác nhận các vấn đề về tình cảm, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, con cái, tài sản, nợ chung như bà H trình bày là đúng. Vì vậy ông K cũng nhất trí ly hôn theo yêu cầu của bà H.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh H khai: Anh là con chung của bà Phùng Bích H và ông Phan Chung K. Nếu bố mẹ ly hôn anh nhất trí cùng bố trả nợ theo thỏa thuận của bố mẹ ngày 05/01/2023.

Trong phiên hòa giải về tài sản chung, nợ chung hai bên thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng đề nghị Tòa ghi nhận trong Bản án, Quyết định của Tòa án. Cụ thể:

- Về tài sản chung: Có một ngôi nhà tọa lạc tại xóm phố Th, xã Đ cùng toàn bộ đất đai ông bà để lại sẽ giao cho con trai Phan Chung H quản lý sử dụng.

- Về nợ chung: Ông K và con trai Phan Chung H có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ sau: Nợ Ngân hàng Nông nghiệp huyện Trùng Khánh hơn 30.000.000đ, nợ bà Lưu Thị L ở phố Th 28.000.000đ và nợ bà Chung Thị K ở phố Th 7.000.000đ. Còn lại các khoản nợ khác phát sinh từ khi kết hôn đến ngày 05/01/2023 bà H có trách nhiệm tự thanh toán.

Tại phiên tòa:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa thông qua tóm tắt nội dung vụ án, công bố lời khai của những người vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo và chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 7 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Phùng Bích H và ông Phan Chung K là vợ chồng.
- Về con chung: Đã trưởng thành và đương sự không yêu cầu nên không xem xét.
- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét nhưng ghi nhận trong Bản án;
- Về án phí: Buộc bà H phải chịu 300.000đ án phí để sung quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thẩm quyền*: Bị đơn Phan Chung K có hộ khẩu thường trú tại: Xóm Phố Th, xã Đ, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng là có căn cứ.

[2]. *Về tố tụng*: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều có đơn hoặc đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy tất cả đã có lời khai trong hồ sơ và việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. *Về quan hệ tranh chấp*: Bà Phùng Bích H yêu cầu ly hôn ông Phan Chung K nhưng không đăng ký kết hôn, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đây là quan hệ tranh chấp về nam nữ sông chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Phùng Bích H và ông Phan Chung K kết hôn năm 1992 theo phong tục địa phương. Các bên có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng bà H, ông K sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*”

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Mặt khác, theo khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này*”. Như vậy, việc kết hôn giữa bà Phùng Bích H và ông Phan Chung K không được pháp luật công nhận là vợ chồng nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[5]. *Về con chung*: Có một con chung đã trưởng thành và đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét nhưng ghi nhận trong Bản án cụ thể như sau:

- Về tài sản chung: Có một ngôi nhà tọa lạc tại xóm phố Th, xã Đ cùng toàn bộ đất đai ông bà để lại sẽ giao cho con trai Phan Chung H quản lý sử dụng.

- Về nợ chung: Ông K và con trai Phan Chung H có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ sau: Nợ Ngân hàng Nông nghiệp huyện Trùng Khánh hơn 30.000.000đ, nợ bà Lưu Thị L ở phố Th 28.000.000đ và nợ bà Chung Thị K ở phố Th 7.000.000đ. Còn lại các khoản nợ khác phát sinh từ khi kết hôn đến ngày 05/01/2023 bà H có trách nhiệm tự thanh toán.

[7]. *Về án phí*: Bà H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận bà đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28; Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 9, 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận bà Phùng Bích H và ông Phan Chung K là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Có một con chung đã trưởng thành và đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét nhưng ghi nhận trong Bản án cụ thể như sau:

- Về tài sản chung: Có một ngôi nhà tọa lạc tại xóm phố Th, xã Đ cùng toàn bộ đất đai ông bà để lại sẽ giao cho con trai Phan Chung H quản lý sử dụng.

- Về nợ chung: Ông K và con trai Phan Chung H có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ sau: Nợ Ngân hàng Nông nghiệp huyện Trùng Khánh hơn 30.000.000đ, nợ bà Lưu Thị L ở phố Th 28.000.000đ và nợ bà Chung Thị K ở phố Th 7.000.000đ. Còn lại các khoản nợ khác phát sinh từ khi kết hôn đến ngày 05/01/2023 bà H có trách nhiệm tự thanh toán.

4. *Về án phí*: Bà H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước, xác nhận bà đã nộp đủ theo biên lai số 0004222 ngày 14 tháng 10 năm 2022 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh thu.

5. *Về quyền kháng cáo*: Các bên đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt Bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THA dân sự;
- Các đương sự;
- Người CQLVNVLQ;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Nông Văn Tùng